TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAN LỘC** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày: 31-5-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Quang, ông Nguyễn Trí Vụ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLST-DS ngày 02/11/2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS ngày 04/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L; Sinh năm: 1950; Nghề nghiệp: Hưu trí; Địa chỉ: Tổ 3, khối 6 thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

- Bị đơn: Bà Phan Thị Phương Đ; Sinh năm: 1953; Nghề nghiệp: Hưu trí; Địa chỉ: Số nhà 72, đường Nguyễn Thiếp, khối 6, thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai ban đầu, nguyên đơn (bà Trần Thị L) trình bày:

Do có mối quan hệ bạn bè thân thiết nên vào ngày 02/6/2017 bà Trần Thị L cho bà Phan Thị Phương Đ vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay hai năm theo lãi suất ngân hàng nhưng đến hạn bà Đ không trả nợ nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đ trả 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và lãi suất tính theo lãi suất Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn tại thời điểm cho vay.

Theo các lời khai ban đầu của bị đơn (bà Phan Thị Phương Đ) trình bày:

Bà Đ không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà L và trình bày ngày 02/6/2017 bà Đ có viết giấy để nhờ bà L vay tại Ngân hàng giúp 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) nhưng chưa nhận tiền. Ngoài ra bà Đ cũng thừa

nhận trước đó con gái bà Đ (chị Hà) nhờ bà L vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) lãi suất 100% có nghĩa là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) thì một ngày phải trả tiền lãi 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng). Sau đó bà L đưa tiền lại nhà bà Đ và nói: "Tau vay cho hắn đây rồi, tau xuống nhà không thấy, mi cầm cho hắn cái, nhớ trả lãi đều cho tau". Bà Đ cũng trình bày bà viết hai giấy vay tiền: Một giấy nợ gốc 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng) do bà L giữ và một giấy viết theo lãi ngân hàng mà bà L đã nộp cho Tòa án.

Tại buổi hòa giải ngày 31/3/2021, bà Đ và bà L tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể bà Đ chấp nhận trả cho bà L 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), phương thức trả nợ 5.000.000 đồng/tháng vào ngày cuối cùng của tháng tính từ tháng 4/2021; trường hợp bà Đ không trả nợ thì bà Đ phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngày 05/4/2021, bà Đ thay đổi ý kiến thỏa thuận và cho rằng bà Đ chỉ nhờ bà L vay hộ tại Ngân hàng chứ chưa nhận tiền nên không có trách nhiệm trả tiền cho bà L.

Tại đơn đề nghị đề ngày 17/4/2021, bà L trình bày vào khoảng tháng 6/2018 bà Đ đã trả 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) tiền lãi, nay bà L chỉ yêu cầu bà Đ trả nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa bà L trình bày bà chỉ cho bà Đ vay tiền một lần, số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) vào ngày 02/6/2017 và thỏa thuận lãi vay theo lãi Ngân hàng, bà L đã nhận 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) tiền lãi, không có sự việc bà L cho bà Đ vay lãi cao. Nay bà L yêu cầu bà Đ trả đủ 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi theo quy định kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Bà L cũng trình bày việc vay tiền giữa bà L và bà Đ không liên quan đến chị Hà con gái bà Đ vì bà Đ là người trực tiếp liên hệ vay tiền và bà Đ là người nhận tiền.

Tại phiên tòa bà Đ cho rằng do thiếu suy nghĩ nên bà mới đồng ý trả 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) cho bà L tại buổi hòa giải ngày 31/3/2021. Bà Đ trình bày bà Đ vay bà L 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) với mức lãi cao, đã trả tiền lãi cao khoảng 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bà Đ đề nghị bà L xuất trình giấy vay nợ lãi cao mà bà Đ đã viết. Về mục đích vay tiền bà Đ cho rằng vay để chi tiêu riêng, không liên quan đến chồng bà (ông Trần Xuân Linh) và con gái bà (Trần Thị Thanh Hà).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng, đủ, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đ trả cho bà L 70.000.000 đồng (Bảy mươi

triệu đồng) tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Phan Thị Phương Đ đăng ký thường trú tại khối 6 thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc.

Nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Do đó, Tòa án thụ lý vụ án khi nhận được đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo là phù hợp.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà Đ khai mục đích vay tiền để đưa cho con gái (chị H) nhưng không có chứng cứ chứng minh, không liên quan đến chồng (ông Trần Xuân L1). Tòa án đã tiến hành xác minh nhưng chị Trần Thị Thanh H không có mặt tại địa phương, ông Linh trình bày ông không biết, không liên quan đến việc vay mượn tiền của bà Đ. Do đó, không có căn cứ về việc chị Hà và ông Linh liên quan đến vụ án nên Tòa án không triệu tập chị Hà và ông Linh tham gia tố tụng là phù hợp

[3] Về nội dung vụ án:

Xét căn cứ của việc bà L cho bà Đ vay tiền: Nguyên đơn nộp cho Tòa án giấy viết tay với nội dung: " Ngày 02.06.2017. Dì Đ có vay của Dì L. Nhờ dì L vay của ngân hàng cho, lãi suất theo ngân hàng, thời hạn 02 năm. Số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu đồng). Ngày 02.06.2017. Người vay. Dì Đ".

Bà L trình bày chỉ cho bà Đ vay tiền một lần số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) theo giấy vay đã nộp cho Tòa án, thỏa thuận theo lãi suất của Ngân hàng. Tại phiên tòa, bà Đ thừa nhận có vay bà L số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) vào ngày 02/6/2017 nhưng là vay lãi cao, có viết giấy vay lãi cao nhưng do bà L giữ. Bà Đ thừa nhận giấy viết tay bà L nộp cho Tòa án là do bà Đ viết, viết vào tháng 8/2019 nhưng trong giấy ghi ngày 02/6/2017 vì đó là ngày bà Đ vay lãi cao.

Như vậy, có căn cứ khẳng định bà Đ có vay của bà L 70.000.000 đồng.

Xét căn cứ của việc bà Đ trả tiền lãi cho bà L: Bà Đ trình bày chưa trả khoản nợ gốc 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) vay lãi cao, đã trả lãi cao của khoản nợ lãi cao nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bà L thừa nhận đã nhận 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) tiền lãi. Do đó, chỉ có căn cứ xác định bà Đ đã trả 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) tiền lãi, chưa trả tiền nợ gốc.

Xét nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn: Tại phiên tòa bà Đ thừa nhận việc vay tiền giữa bà Đ và bà L là do bà tự thực hiện, không liên quan đến chồng con.

Do đó, mặc dù việc bà Đ vay tiền bà L phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông Linh và bà Đ nhưng nghĩa vụ trả nợ chỉ do bà Đ chịu trách nhiệm.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Xét giấy vay tiền mà bà Đ đã viết thấy rằng giấy vay tiền ghi lãi suất theo ngân hàng nhưng không ghi rõ là ngân hàng nào, bà L trình bày khi cho vay thì ghi thỏa thuận như vậy còn khi trả sẽ tính sau. Còn bà Đ không chấp nhận trả nợ gốc, không chấp nhận trả lãi. Như vậy, thuộc trường hợp có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất. Vì vậy cần áp dụng quy định về lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Về thời điểm bắt đầu tính lãi phải tính từ ngày 02/6/2017 nhưng bà L đã nhận 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) tiền lãi và hiện nay chỉ yêu cầu tính tiếp tiền lãi khi bản án có hiệu lực pháp luật. Số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) ít hơn số tiền lãi theo quy định nếu tính từ ngày 02/6/2017 đến ngày xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bà L về thời điểm tính tiền lãi.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, cần phải buộc bà Đ trả cho bà L 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi theo quy định kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Bà Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí. Do đó Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà Đ.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351; Điều 353; Điều 357; khoản 2 Điều 470; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phan Thị Phương Đ phải trả cho bà Trần Thị L số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 02/6/2017.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn Phan Thị Phương Đ.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Trần Thị L, bà Phan Thị Phương Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Can Lộc;
- Chi cục THADS huyện Can Lộc;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thanh